

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 11 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hồng Quân.
2. Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Thành T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp BL, xã BT, huyện LV, ĐT.

Bị đơn: Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp BL, xã BT, huyện LV, ĐT.

(Anh T có mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 8 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Võ Thành T trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 1998 anh Võ Thành T và chị Lê Thị Kim H tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và từ năm 2014 cho

đến nay anh T và chị H đã sống xa nhau. Nhận thấy tình cảm không còn nay anh T yêu cầu ly hôn với chị H.

2. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh T với chị H có 02 con chung tên Võ Ngọc Bích V, sinh ngày 24/7/2000 và Võ Ngọc Yến V, sinh ngày 15/11/2006 con chung hiện chung sống với anh T, anh T yêu cầu nuôi con chung tên Võ Ngọc Yến V, sinh ngày 15/11/2006 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, đối với con chung tên Võ Ngọc Bích V, sinh ngày 24/7/2000 đã trưởng thành, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu giải quyết;

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Tại đơn xin vắng mặt phiên hoà giải và đơn xin vắng mặt tại phiên toà ngày 08 tháng 10 năm 2018 chị Lê Thị Kim H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim H và anh Võ Thành T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị đồng ý theo như yêu cầu của anh T.

Về con chung: Quá trình sống chung chị H và anh T có 02 con chung tên Võ Ngọc Bích V, sinh ngày 24/7/2000 và Võ Ngọc Yến V, sinh ngày 15/11/2006, con hiện nay anh T đang nuôi dưỡng. Nay ly hôn về con chung tên Bích V đã trưởng thành tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con chung tên Yến V chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H thống nhất chị và anh T sống chung không có tài sản chung, cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Thành T yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Kim H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn” và bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Lê Thị Kim H vắng mặt nhưng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Võ Thành T và chị Lê Thị Kim H đều thừa nhận vợ chồng tổ chức đám cưới từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung anh chị đã

nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy, việc anh T và chị H tổ chức đám cưới, sống chung với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Do đó, không công nhận anh Võ Thành T và chị Lê Thị Kim H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Võ Thành T và chị Lê Thị Kim H thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Võ Ngọc Bích V, sinh ngày 24/7/2000 và Võ Ngọc Yến V, sinh ngày 15/11/2006. Con hiện nay anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau ly hôn con chung tên Bích V đã trưởng thành tự lao động được nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với con chung tên Võ Ngọc Yến V, sinh ngày 15/11/2006 anh T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Võ Ngọc Yến V và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy từ khi anh T và chị H sống xa nhau, con chung do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con rất tốt và cháu V cũng có nguyện vọng muốn sống với cha là anh Võ Thành T. Do đó, để tạo điều kiện cho cháu ổn định về tâm lý và sinh hoạt hàng ngày nên chấp nhận cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Ngọc Yến V. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Võ Thành T và chị Lê Thị Kim H đều thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Võ Thành T và chị Lê Thị Kim H đều thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Thành T phải chịu án phí là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Võ Thành T và chị Lê Thị Kim H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Ngọc Yến V, sinh ngày 15/11/2006 cho anh Võ Thành T được trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn chị Lê Thị Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, anh Võ Thành T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và chị Lê Thị Kim H không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh Võ Thành T.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Võ Thành T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai số 0003015 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Anh Võ Thành T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Kim H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội